

Bản án số: 148/2018/DS-PT

Ngày: 14-11-2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường và Bà Lê Thị Thanh Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện HT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 123/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Khu phố 08, PH, LG, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: 1. Ông Kiều Ngọc H, sinh năm 1969.

2. Bà Nguyễn Thị KL, sinh năm 1972.

Cùng cư trú: ĐM 01, TX, HT, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Kiều Ngọc H, bà Nguyễn Thị KL: Luật sư Hồ Thị Nam – Văn phòng luật sư Hồ Nam – Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ: 110 TKH, PT, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Thị KL, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: KP7, PL, LG, tỉnh Bình Thuận.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1943

2. Ông Đinh Văn L, sinh năm 1961

Cùng cư trú: ĐM 01, TX, HT, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Ông Kiều Ngọc H, bà Nguyễn Thị KL.

Tại phiên tòa có mặt những người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Minh C, ông Kiều Ngọc H, bà Nguyễn Thị KL, Luật sư Hồ Thị Nam, ông Nguyễn Anh D, ông Đinh Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Minh C trình bày:

Diện tích thửa đất đang tranh chấp tọa lạc tại thôn ĐM01, TX, HT, tỉnh Bình Thuận có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng của bà Trương Thị KL năm 2006, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 22, diện tích 8.400m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 672955 cấp ngày 30/11/2005 đã sang tên cho ông ngày 21/4/2006. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông sử dụng ổn định và trồng cây thanh long trên đất, cuối năm 2011, ông Kiều Ngọc H đã trồng cây thanh long lấn sang đất của ông 08 trụ. Đến năm 2016 ông H đã thuê xe múc đất san lấp và tiếp tục lấn sang đất của ông nên ông đã làm đơn đến UBND TX để giải quyết nhưng hòa giải không thành. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Kiều Ngọc H, bà Nguyễn Thị KL phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của ông là 528m².

Bị đơn ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất ông, bà đang sử dụng là do ông Nguyễn Anh D tặng cho vợ chồng ông năm 2011, trước đó năm 1998 vợ chồng ông và ông D cùng khai phá toàn bộ diện tích đất nói trên, sau khi khai phá thì ông D đã trồng một hàng cây dương liễu để làm ranh còn phía sau thì dùng dây kẽm gai làm ranh. Quá trình sử dụng từ khi khai phá đến khi ông chuyển nhượng lại diện tích đất hiện nay ông C đang sử dụng cho bà Trương Thị KL thì ông và ông D đều sử dụng ranh giới đó. Khi ông chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho bà Trương Thị KL thì ông có chỉ ranh cho bà L, sau đó bà L chuyển nhượng lại cho ông C thì vẫn lấy hàng dương và dây kẽm gai làm ranh giới giữa hai lô đất. Năm 2011 ông D tặng cho vợ chồng ông diện tích đất đó thì các bên vẫn sử dụng hàng ranh ổn định, sau đó ông đã khai thác hàng cây dương tuy nhiên hiện nay gốc cây dương vẫn còn, việc ông C cho rằng vợ chồng ông lấn chiếm diện tích đất 528m² là không có căn cứ vì ranh giới đất là gốc cây dương liễu được trồng từ năm 1998, hiện vẫn đang tồn tại trên đất, còn hàng dây kẽm gai phía sau thì ông C đã lấp đất nên không nhìn thấy được. Vì vậy, vợ chồng ông không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị KL trình bày:

Năm 2005 bà nhận chuyển nhượng diện tích 8.400m² đất của ông Kiều Ngọc H và đã làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, khi nhận chuyển nhượng đất thì ông H có chỉ ranh cho bà phía trước là hàng dương và phía sau là dây kẽm gai, năm 2006 bà chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho ông Nguyễn Minh C thì cũng lấy đó làm ranh giới và bà có chỉ cho ông C. Hiện nay ông C và ông H tranh chấp thì bà không có yêu cầu gì vì bà đã làm thủ tục chuyển nhượng

đúng theo quy định của pháp luật, hơn nữa giữa bà, ông C và ông H không có tranh chấp gì với nhau. Đối với ranh giới giữa hai thửa đất là hàng dương và dây kẽm gai, nếu ai sử dụng qua thì người đó lấn đất. Hiện nay nếu hiện trạng không còn thì bà không xác định được ranh giới.

Người làm chứng Ông Nguyễn Anh D trình bày:

Năm 1998 ông và ông H có khai phá một diện tích đất tại ĐM01, TX, HT và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông đã trồng một hàng cây dương và kéo dây kẽm gai làm ranh. Năm 2005 ông H chuyển nhượng lại đất cho bà Trương Thị KL thì giữa ông và bà L vẫn lấy hàng cây dương và dây kẽm gai là ranh đất giữa hai bên, sau đó bà L chuyển nhượng lại cho ông C và hai bên vẫn sử dụng ổn định theo ranh giới cũ. Năm 2011 ông đã tặng cho vợ chồng ông H và bà L (con gái ông) diện tích đất trên. Theo ý kiến của ông thì ông H không lấn đất mà do diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lớn hơn so với đất thực tế nên ông C mới cho rằng ông H lấn đất, mặc dù hiện nay hàng dương đã khai thác nhưng gốc cây dương vẫn còn.

Ông Đinh Văn L trình bày:

Ông là người sử dụng diện tích đất gần với đất của ông D và ông H, giữa đất ông D và ông H có hàng dương và dây kẽm gai làm ranh giới, sau đó ông H bán đất cho bà L thì vẫn lấy đó làm ranh, đến khi bà L bán cho ông C thì hàng ranh vẫn là cây dương và dây kẽm gai, đến năm 2016 thì ông C tranh chấp đất với ông H. Theo ông thấy thì ông H không lấn đất của ông C vì ranh giới đã được sử dụng ổn định từ trước đến nay.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện HT đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 50, 136 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh C.

Buộc ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL giao lại diện tích 528m² thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 672955 cấp cho bà Trương Thị KL đã chuyển sang tên cho ông Nguyễn Minh C ngày 21/4/2006 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất cho ông Nguyễn Minh C được toàn quyền sử dụng. *(Có mảnh trích đo bản đồ địa chính kèm theo).*

Ông Nguyễn Minh C phải hoàn trả giá trị tài sản cho ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL là 7.330.000đồng. *(bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).*

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh C phải chịu 366.500đồng án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đồng theo biên lai thu tiền số 0011294 ngày 21/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HT. Ông Nguyễn Minh C được nhận lại số tiền là 383.500đồng.

Ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL phải chịu 303.600 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/6/2018 ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL kháng cáo Bản án sơ thẩm yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh C với các lý do sau:

- Tài sản đang tranh chấp có trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng ông Nguyễn Minh C và vợ ông Cnhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông C vào tham gia tố tụng là vi phạm đến quyền lợi của vợ ông C.

- Căn cứ vào lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Anh D thì từ lúc nhận chuyển nhượng đất đến nay ranh đất không thay đổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại cho rằng ông H, bà L lấn đất của ông C và tuyên buộc vợ chồng ông, bà phải giao đất cho ông C là không có căn cứ.

- Việc UBND huyện HT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà L đủ hay thiếu đất là do lỗi của UBND huyện HT chứ không phải do lỗi của ông, bà.

- Tòa án cấp sơ thẩm không xét đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị KL với ông C, không căn cứ vào thực tế hiện trạng sử dụng đất mà lại căn cứ vào Bản trích đo địa chính ngày 06/7/2017 và Công văn số 2798/UBND-TNMT ngày 16/10/2017 để xác định diện tích đất ông C bị thiếu 528m² là do vợ chồng ông, bà lấn chiếm, hơn nữa chưa đo đạc lại diện tích đất của ông, bà mà tuyên buộc vợ chồng ông, bà phải trả lại đất là trái luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà L tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, bà.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị KL: Luật sư Hồ Thị Nam cho rằng:

Về thủ tục tố tụng:

- + Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là không đúng vì ông H không lấn chiếm đất của ông C. Do ông H chuyển nhượng đất cho bà Trương Thị KL thiếu, bà Trương Thị KL chuyển nhượng cho ông C thiếu nên ông C phải tranh chấp với bà Trương Thị KL, Tòa sơ thẩm phải xác định tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

- + Quá trình tố tụng Tòa sơ thẩm không đưa vợ ông C vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Diện tích 8400m² đất ông H chuyển nhượng cho bà Trương Thị KL, bà Trương Thị KL chuyển nhượng cho ông C, các đương sự sử dụng diện tích đất thực tế giữa đất ông H và đất ông C có hàng ranh là hàng dương và hàng dây kẽm gai, do đó ông H không lấn đất ông C, đất ông C thiếu là do cơ quan đo đạc nên diện tích đất thực tế không đủ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải lỗi của ông H. Ông C nhận chuyển nhượng mà không đo đạc lại đất là lỗi của ông C. Bà Trương Thị KL không giao đủ đất cho ông C thì bà L chịu trách nhiệm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông C nếu vi phạm thủ tục tố tụng được khắc phục, nếu không khắc phục được thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Minh C không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định, người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Về nội dung kháng cáo của ông H, bà L:

+ Đất tranh chấp có nguồn gốc ông H chuyển nhượng cho bà Trương Thị KL, bà L chuyển nhượng lại cho ông C, liên kế đất ông C là đất ông H được ông D cho, đất ông C và ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cùng lúc.

+ Theo khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 26 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông C có quyền đại diện làm đơn khởi kiện, tại phiên tòa ông C trình bày ông và vợ ông đã ly hôn, đất ông đứng tên giùm mẹ ông nên Tòa sơ thẩm không đưa vợ ông C vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

+ Đối với diện tích đất tranh chấp 528m², ông H cho rằng ranh giới là hàng dương và dây kẽm gai, hiện nay theo các đương sự chỉ còn một số gốc dương. Tuy nhiên hội đồng thẩm định xác định đất tranh chấp nằm hoàn toàn trong đất ông C, giấy chứng nhận cấp cho ông C và ông H không chồng lấn, tại công văn số 2798 ngày 16/10/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân xác định diện tích đất ông H không thay đổi sau khi trừ diện tích đất tranh chấp, đất cấp đúng trình tự thủ tục, đúng đối tượng, chuyển nhượng giữa ông C và bà Trương Thị KL đúng trình tự quy định. Ông H xác định ranh giới đất tranh chấp là một đường thẳng, các gốc dương nằm thành đường thẳng chiều dài 25m phần đầu đường trên 98m chiều dài của cạnh đất có tranh chấp, do đó gốc dương không nằm trên phần đất tranh chấp, dây kẽm gai đã bị tháo dỡ nên không có cơ sở để ông H yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để xem xét thẩm định gốc dương. Nguồn gốc đất 8.400m² trong đó có phần đất tranh chấp là của ông H sang nhượng lại cho bà Trương Thị KL, bà Trương Thị KL sang nhượng lại cho ông C nên trách nhiệm cũng thuộc về ông H nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà Nguyễn Thị KL. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày và tranh luận của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Minh C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL trả lại diện tích 528m² đất tọa lạc tại thôn ĐM 01, TX, HT, tỉnh Bình Thuận. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về thẩm quyền giải quyết vụ án; Điều 688 Bộ luật dân sự 2005; Điều 50, 136 Luật đất đai năm 2003 xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền giải quyết.

[2] Xác định diện tích đất tranh chấp và yêu cầu đòi đất của nguyên đơn:

[2.1] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Minh C yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Kiều Ngọc H, bà Nguyễn Thị KL giao trả đất lấn chiếm. Theo yêu cầu của nguyên đơn, cơ quan chuyên môn đo đạc thể hiện tại bản trích đo ngày 06/7/2017 diện tích đất tranh chấp là 528m².

[2.2] Nguyên đơn và bị đơn là hai chủ sử dụng đất liền kề. Đất của hai bên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của bị đơn ông Kiều Ngọc H, bà Nguyễn Thị KL khai phá năm 1998. Sau khi khai phá, ông bà sử dụng ổn định, liên tục đến năm 2003 thì được UBND huyện HT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005 vợ chồng ông H chuyển nhượng cho bà Trương Thị KL. Khi chuyển nhượng thì hai bên đã thống nhất chuyển nhượng toàn bộ diện tích theo giấy chứng nhận là 8.400m² và xác định ranh đất là hàng cây dương và hàng rào kẽm gai tiếp giáp với đất ông Nguyễn Anh D, hai bên chỉ chuyển nhượng toàn bộ diện tích trên giấy chứng nhận chứ không đo đạc lại diện tích đất thực tế.

Năm 2006 bà Trương Thị KL chuyển nhượng lại diện tích đất này cho ông Nguyễn Minh C. Bà Trương Thị KL cho rằng khi chuyển nhượng cho ông C, bà L cũng không đo đạc lại diện tích đất thực tế, bà Trương Thị KL xác định ranh đất tiếp giáp đất ông D là hàng dương và hàng rào dây kẽm gai. Năm 2011 ông D tặng cho ông H và bà Nguyễn Thị KL diện tích đất 14.079m² thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 22, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 703710 do UBND huyện HT cấp ngày 14/8/2003 tiếp giáp với đất ông C đang sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Toàn bộ diện tích đất của ông C (nhận chuyển nhượng của bà Trương Thị KL) và toàn bộ diện tích đất của vợ chồng ông Kiều Ngọc H, bà Nguyễn Thị KL (được tặng cho từ ông Nguyễn Anh D) đều được cấp Giấy chứng nhận cùng một thời điểm và cùng một tờ bản đồ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất đang tranh chấp, đối chiếu với diện tích đất của ông H thì diện tích đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông H không có sự thay đổi, đất của ông H không bị thiếu. Mặt khác, ông C không trực tiếp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông H mà nhận chuyển nhượng từ bà Trương Thị KL mà bà Trương Thị KL nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông H, bà Trương Thị KL cho rằng ranh giới là hàng rào dây kẽm gai nhưng hiện nay hàng rào dây kẽm gai không còn nên bà Trương Thị KL cũng không xác định được ranh giới. Do đất là của ông H sang nhượng lại cho bà Trương Thị KL, bà Trương Thị KL sang nhượng lại cho vợ chồng ông C. Khi sang nhượng các bên đều không đo đạc lại đất thực tế nên ông H cũng có trách nhiệm trong việc không đo đạc diện tích thực tế, hiện trạng sử dụng đất khi lập hợp đồng chuyển nhượng.

Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “*quyền sử dụng đất của cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình, chủ thể khác được xác lập do Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất*”, tại văn bản số 2798/UBND-TNMT ngày 16/10/2017 của UBND huyện HT đã xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 703710 cho ông Nguyễn Anh D và giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AD 672955 cấp cho bà Trương Thị KL là đúng trình tự thủ tục và đúng đối tượng. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 19/3/2018 tại UBND TX đã xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị KL và ông Nguyễn Minh C là đúng quy định của pháp luật. Qua đo đạc và thẩm định thì đã xác định 528m² đất tranh chấp nằm hoàn toàn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD672955 ngày 07/6/2017. Sau khi có bản trích đo địa chính, Hội đồng thẩm định đã tiến hành chồng ghép hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AD672955 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất W703710 không chồng lấn lên nhau, sau khi trừ đi phần đất tranh chấp thì diện tích đất của ông Nguyễn Anh D theo giấy chứng nhận quyền sử dụng W703710 (đã tặng cho ông H, bà L) vẫn không thay đổi. Căn cứ vào các quy định trên thì ông C là người được Nhà nước công nhận quyền sử dụng hợp pháp 528m² đất tranh chấp. Ông Nguyễn Minh C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL trả lại diện tích 528m² đất là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa, ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL cho rằng không lấn đất của ông C. Tuy nhiên lại không nêu ra được chứng cứ, tài liệu nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để xem xét thẩm định lại những gốc dương nhưng khi được Hội đồng xét xử hỏi vị trí của những gốc dương và hàng rào dây kẽm gai thì ông H xác định hiện còn 5-6 gốc dương (do cha ông trồng từ năm 1999, ông đã cưa nay chỉ còn lại gốc) nằm thành đường thẳng dài 25m, cách đường 10m và hàng rào dây kẽm gai không còn. Như vậy phần gốc dương không thuộc phần đất tranh chấp 528m², mặt khác ông H xác định ranh giới giữa hai bên là một đường thẳng, thực tế theo mảnh trích đo bản đồ địa chính nếu ranh giới là đường thẳng thì phần đất vợ chồng ông H đang sử dụng có tranh chấp 528m² lấn vào phần đất ông C có chiều sâu là 14m. Do đó không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà L.

[2.3] Đối với đề nghị của Luật sư về xác định quan hệ tranh chấp và đưa vợ nguyên đơn ông Nguyễn Minh C vào tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ bởi ông C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H trả cho ông 528m² đất do vợ chồng ông H lấn chiếm, Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp quyền sử dụng đất” là xác định đúng quan hệ tranh chấp. Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 24, Điều 26 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông C có quyền làm đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, ông C trình bày vợ chồng ông đã ly hôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 8.400m² đất đứng tên một mình ông C (đứng tên giùm mẹ ông C). Do đó, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, bà L đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ.

[3] Do không có căn cứ để xem xét toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Kiều Ngọc H, bà Nguyễn Thị KL và đề nghị của Luật sư, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[4]Bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo ông Kiều Ngọc H, bà Nguyễn Thị KL phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Kiều Ngọc H, bà Nguyễn Thị KL; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh C.

Buộc ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL giao lại diện tích 528m² thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 672955 cấp cho bà Trương Thị KL đã chuyển sang tên cho ông Nguyễn Minh C ngày 21/4/2006 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất cho ông Nguyễn Minh C được toàn quyền sử dụng. *(Có mảnh trích đo bản đồ địa chính kèm theo).*

Ông Nguyễn Minh C phải hoàn trả giá trị tài sản cho ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL là 7.330.000đồng. *(bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).*

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh C phải chịu 366.500đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đồng theo biên lai thu tiền số 0011294 ngày 21/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HT. Ông Nguyễn Minh C được nhận lại số tiền là 383.500đồng.

Ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL phải chịu 303.600đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016778 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT. Ông Kiều Ngọc H và bà Nguyễn Thị KL đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên có nghĩa vụ chậm trả thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau: Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.

Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất 10%/năm.

Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TA (2 bản), THA cấp huyện;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP - Tòa án tỉnh;
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan